

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ ĐẤT TRỒNG LÚA THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 112/2024/NĐ-CP NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị thực hiện	Diện tích (ha)			Kinh phí			Tổng kinh phí thực hiện chính sách
		Đất chuyên trồng lúa	Trong đó	Đất trồng lúa còn lại	Đất chuyên trồng lúa	Trong đó	Đất trồng lúa còn lại	
			Vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao (*)			Vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao		
A	B	I	2	3	4=1x1,5 trđ	5=2x1,5 trđ	6=3x0,75trđ	7=4+5+6
1	UBND xã Tịnh Khê	730,370		53,890	1.095,555		40,418	1.135,973

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ ĐẤT TRỒNG LÚA THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 112/2024/NĐ-CP NĂM 2025

STT	Đơn vị thực hiện	Diện tích (ha)			Kinh phí			Tổng kinh phí thực hiện chính sách	Kinh phí đã được cấp	Trong đó	
		Đất chuyên trồng lúa	Trong đó	Đất trồng lúa còn lại	Đất chuyên trồng lúa	Trong đó	Đất trồng lúa còn lại			Đã bố trí cho cơ quan, đơn vị, địa phương trước sắp xếp ĐVHC	Kinh phí chuyển từ cấp huyện về cơ quan, đơn vị, địa phương sau sắp xếp ĐVHC (nếu có)
			Vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao (*)			Vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao					
A	B	I	2	3	4=1x1,5 trđ	5=2x1,5 trđ	6=3x0,75trđ	7=4+5+6	8=8a+8b	8a	8b
1	UBND xã Tịnh Khê	730,370		53,890	1.095,555		40,418	1.135,973	976,043	976,043	0

: số 01q

vị: Triệu đồng

Kinh phí còn thừa/thiếu
9=7-8
159,930